TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2021/HS - ST Ngày 10 – 9 - 2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Hằng và ông Ngô Duy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2021/TLST - HS ngày 18 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST - HS ngày 23 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Dương Văn A, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn QĐ, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh VP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn Nh và bà: Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/5/2021 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997; trú tại: Thôn QĐ, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh VP (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Tạ Ánh C, sinh năm 1992; trú tại: Tổ dân phố CY 2, thị trấn HC, huyện TĐ, tỉnh VP (vắng mặt) ; Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; đều trú tại: Thôn QĐ, xã TQ, huyện TĐ, tỉnh VP (đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 22/3/2021, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH 125i, BKS 88E1-282.75 đi đến quán "Game Minh 88" ở thôn NH, xã HS, huyện TĐ để chơi game, tại đây, Đ gặp bạn là Dương Văn A ở cùng thôn đang ngồi chơi game ở đó. Cả hai ngồi chơi đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, A hỏi mượn xe mô tô của Đ để đi ra Ngân hàng Viettinbank chi nhánh huyện TĐ lấy thẻ ATM, Đ đồng ý rồi đưa chìa khóa xe cho A. A điều khiển xe đi ra ngân hàng lấy thẻ

ATM. Sau khi lấy được thẻ, trên đường đi về quán game, do hết tiền tiêu, A nảy sinh ý định đem cầm cố chiếc xe mô tô của Đ lấy tiền tiêu xài cá nhân. A điều khiển xe đi đến nhà anh Tạ Ánh C, sinh năm 1992 ở tổ dân phố CY 2, thị trấn HC, huyện TĐ, tỉnh VP để cầm cố xe. Đến nơi, A gặp và trao đổi với anh C muốn cầm cố chiếc xe đang sử dụng vay số tiền 23.000.000 đồng. Anh C hỏi nguồn gốc xe, A bảo chiếc xe trên là của chị gái A cho mượn đi vay tiền giải quyết việc gia đình. Anh C đồng ý cho A cầm cố xe máy nhưng chỉ đồng ý cho vay số tiền 21.000.000 đồng, A đồng ý. Anh C yêu cầu A viết giấy mua bán xe theo mẫu có sẵn, mục đích để A có trách nhiệm trả tiền cho anh C, khi nào A trả tiền thì anh C sẽ trả xe cho A và yêu cầu A để lại giấy căn cước công dân làm tin. Sau khi điền thông tin vào giấy mua bán xe, ký tên vào mục người bán, A để giấy mua bán xe và bản phô tô căn cước công dân của mình vào trong cốp xe, bàn giao xe mô tô và các giấy tờ trên cho anh C, anh C đưa cho A 21.000.000đ. Có được tiền sau khi cầm cố xe, A tháo bỏ sim điện thoại để Đ không liên lạc được và bắt xe xuống thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc chơi, tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, không thấy A về quán trả xe, anh Đ gọi điện thoại cho A nhưng không liên lạc được, sau đó, liên hệ qua bạn bè, Đ được biết xe của Đ đang ở nhà anh Tạ Ánh C. Khoảng 16 giờ ngày 23/3/2021, Đ cùng ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H, là bố, mẹ đẻ của Đ đến gặp anh C. Đ nói với anh C chiếc xe mô tô BK S88E1- 282.75 là của Đ và đặt vấn đề muốn chuộc lại xe, anh C đồng ý. Đ đưa cho anh C số tiền 21.000.000đ, anh C cầm tiền rồi trả xe mô tô cùng 01 giấy bán xe tên người bán Dương Văn A (bản gốc) và 01 giấy căn cước công dân mang tên Dương Văn A (bản phô tô) cho Đ. Cùng ngày, anh Đ đã làm đơn trình báo đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo xử lý A theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/3/2021, anh Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, BKS 88E1- 282.75 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn Đ; 01 giấy mua bán xe (bản gốc) và 01 căn cước công dân (bản phô tô) nêu trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đảo phục vụ điều tra.

Ngày 25/3/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Đảo ra Yêu cầu định giá tài sản. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 299A/KL-HĐĐG ngày 05/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Tam Đảo, kết luận: *Giá trị của tài sản là 55.000.000đ*.

Đối với anh Tạ Ánh Cư là người nhận cầm cố xe mô tô BKS 88E1-282.75 cho Dương Văn A vay tiền, quá trình điều tra xác định anh C không biết chiếc chiếc xe trên do A phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh C. Nay anh C đã nhận đủ 21.000.000 đồng tiền cầm cố xe do Nguyễn Văn Đ trả, anh C không có yêu cầu, đề nghị gì khác đối với A.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô BKS 88 E1- 28275 cùng giấy đăng

ký xe, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn Đ, đăng ký chính chủ. Ngày 25/7/2021, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Anh Đ đã nhận lại tài sản.

Đối với 01 giấy mua bán xe (bản gốc) và 01 căn cước công dân (bản phô tô) mang tên Dương Văn A là chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 21.000.000 đồng Nguyễn Văn Đ trả cho anh Tạ Ánh C để chuộc xe, quá trình điều tra xác định là tiền do lao động hợp pháp mà có của ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H cho Đức để đưa trả cho anh C chuộc lại xe, ông Đ, bà H không yêu cầu Đ phải hoàn trả lại số tiền này. Nay Đ yêu cầu Dương Văn A phải trả cho Đ toàn bộ số tiền nêu trên nên cần buộc A phải bồi thường theo yêu cầu của Đ.

Tại Bản Cáo trạng số: 48/CT-VKSTĐ ngày 18/8/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Văn A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, phạt: Dương Văn A từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền là 21.000.000đ; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp ổn định;

Bị cáo Dương Văn A hoàn toàn đồng ý với truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo.

Về hình phạt bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt anh C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuy nhiên sự vắng mặt của anh C không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và

quyết định hình phạt đối với bị cáo, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Dương Văn A thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thể hiện như sau: Khoảng 14 giờ ngày 22/3/2021, tại quán "Game Minh 88" ở thôn NH, xã HS, huyện TĐ, Dương Văn A mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 125i, BKS 88 E1-282.75 của Nguyễn Văn Đ để đi ra Ngân hàng lấy thẻ ATM. Sau khi lấy được thẻ ATM, trên đường đi về quán Game, do không có tiền chi tiêu cá nhân, A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của Đ nên điều khiển xe đi đến nhà anh Tạ Ánh C cầm cố chiếc xe mô tô trên vay số tiền 21.000.000đ tiêu xài cá nhân, không có khả năng chuộc lại tài sản. Trị giá tài sản chiếm đoạt là 55.000.000đ.

[4] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người liên quan và đơn đề nghị của người bị hại, kết luận định giá của Hội đồng định giá và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

"...2 . Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000đồng".

[5] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân; bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm nên phạm tội cố ý trực tiếp.

[6] Xét về nhân thân bị cáo nhận thấy: Bị cáo tuổi đời còn trẻ, chưa có vợ, con nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng làm ăn lương thiện, mà bị cáo lại mượn tài sản để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người công dân lương thiện, sống có ích cho gia đình và xã hội và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[7] Về tình tiết tăng nặng: không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo nghề nghiệp không ổn định nên hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về phần dân sự :

- Tại phiên tòa anh Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 21.000.000đ, bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Đ nhưng hiện nay đang tạm giam nên khi chấp hành án xong bị cáo đi làm để trả cho anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh Đ là có căn cứ chấp nhận. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền là 21.000.000đ

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự và án phí dân sự trong án hình sự: Bị cáo Dương Văn A phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn A phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Dương Văn A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 19/5/2021).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Dương Văn A phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền là 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng).

4. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Dương Văn A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Công an huyện Tam Đảo;
- Sở tư pháp; bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Hạnh